

# CÂU HỎI ÔN TẬP THI HK1 ( BÀI 1, BÀI 2)

1. **Lãnh thổ quốc gia được cấu thành từ các yếu tố nào?**
  - a. Lãnh thổ; dân cư; nhà nước
  - b. Lãnh thổ; dân tộc; hiến pháp; pháp luật
  - c. Lãnh thổ; dân cư; hiến pháp
  - d. Lãnh thổ; nhân dân; dân tộc
2. **Trong các yếu tố cấu thành lãnh thổ quốc gia, yếu tố nào quan trọng nhất, quyết định nhất?**
  - a. Lãnh thổ\*
  - b. Dân cư
  - c. Nhà nước
  - d. Hiến pháp, pháp luật
3. **Trách nhiệm trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia được xác định như thế nào?**
  - a. Là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân
  - b. Là trách nhiệm của toàn lực lượng vũ trang và toàn dân
  - c. Là trách nhiệm của toàn Đảng và các tổ chức xã hội
  - d. Là trách nhiệm của giai cấp, của Đảng và quân đội
4. **Lãnh thổ thuộc chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ của quốc gia bao gồm những bộ phận nào?**
  - a. Vùng đất; vùng nước; vùng trời trên vùng đất, vùng nước; lòng đất dưới chúng
  - b. Vùng đất; vùng trời trên vùng đất; lòng đất dưới chúng
  - c. Vùng đất; vùng nước; vùng trời trên vùng đất; lòng đất dưới chúng
  - d. Vùng đất; vùng trời; lòng đất dưới chúng
5. **Lãnh thổ quốc gia được cấu thành gồm những vùng nào?**
  - a. Vùng đất; vùng nước; vùng trời; vùng lòng đất
  - b. Vùng đất; vùng trời; vùng tiếp giáp lãnh hải
  - c. Vùng đất; vùng trời; vùng lãnh hải; vùng thềm lục địa
  - d. Vùng đất; vùng trời; vùng đặc quyền kinh tế
6. **Vùng lòng đất quốc gia là:**
  - a. Toàn bộ phần nằm dưới lòng đất, vùng nước thuộc chủ quyền quốc gia
  - b. Toàn bộ phần nằm dưới lòng đất thuộc chủ quyền quốc gia
  - c. Toàn bộ phần nằm dưới lòng đất, vùng đảo thuộc chủ quyền quốc gia
  - d. Toàn bộ phần nằm dưới lòng đất, vùng trời thuộc chủ quyền quốc gia
7. **Vùng trời quốc gia là:**
  - a. Không gian bao trùm trên vùng đất, vùng nước quốc gia
  - b. Không gian bao trùm trên vùng đất quốc gia
  - c. Không gian bao trùm trên vùng đất, vùng đảo quốc gia
  - d. Không gian bao trùm trên vùng đảo và vùng biển quốc gia
8. **Vùng nước quốc gia bao gồm:**
  - a. Vùng nước nội địa, vùng nước biên giới, vùng nội thủy, vùng nước lãnh hải
  - b. Vùng nước nội địa, vùng nội thủy, vùng nước lãnh hải
  - c. Vùng nước nội địa, vùng nước biên giới
  - d. Vùng nước nội địa, vùng nước lãnh hải
9. **Vùng lãnh hải là vùng biển**
  - a. Tiếp liền bên ngoài vùng nước nội thủy của quốc gia
  - b. Tiếp liền bên ngoài vùng thềm lục địa của quốc gia
  - c. Tiếp liền bên trong vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia
  - d. Tiếp liền bên ngoài vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia
10. **Vùng lãnh hải rộng bao nhiêu hải lý và tính từ đâu?**
  - a. 12 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải

- b. 24 hải lí tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải
- c. 12 hải lí tính từ vùng đặc quyền kinh tế
- d. 12 hải lí tính từ đường bờ biển

**11. Vùng nội thủy là vùng nước:**

- a. Bên trong đường cơ sở
- b. Nằm ngoài đường cơ sở
- c. Nằm trong vùng lãnh hải
- d. Dùng để tính chiều rộng lãnh hải

**12. Vùng đất của quốc gia bao gồm:**

- a. Toàn bộ vùng đất lục địa và các đảo, quần đảo thuộc chủ quyền quốc gia
- b. Vùng đất lục địa và các đảo thuộc chủ quyền quốc gia
- c. Toàn bộ vùng đất lục địa và các quần đảo thuộc chủ quyền quốc gia
- d. Vùng đất lục địa và các đảo, quần đảo thuộc chủ quyền quốc gia

**13. Vùng nước nội địa của quốc gia bao gồm:**

- a. Biển nội địa, hồ ao, sông ngòi, đầm nằm trên vùng đất liền
- b. Biển, hồ ao, sông ngòi, đầm nằm trên khu vực biên giới
- c. Biển, hồ ao, sông ngòi, đầm nằm tại khu vực cửa biển
- d. Biển, hồ ao, sông ngòi, đầm nằm ngoài khu vực biên giới

**14. Vùng nước biên giới của quốc gia bao gồm:**

- a. Biển nội địa, hồ ao, sông ngòi nằm trên khu vực biên giới quốc gia
- b. Biển nội địa, hồ ao, sông ngòi nằm ở khu vực rừng núi của quốc gia
- c. Biển nội địa, hồ ao, sông ngòi nằm trong nội địa của quốc gia
- d. Biển nội địa, hồ ao, sông ngòi nằm ngoài khu vực biên giới quốc gia

**15. Vùng nội thủy của quốc gia được giới hạn**

- a. Bởi một bên là bờ biển, một bên là đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải
- b. Bởi một bên là biển rộng, một bên là đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải
- c. Bởi một bên là biển cả, một bên là đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải
- d. Bởi một bên là bờ biển, một bên là đường ngoài cùng của lãnh hải

**16. Vùng trời quốc gia được quy định như thế nào?**

- a. Mỗi quốc gia trên thế giới có quy định khác nhau
- b. Các quốc gia đều thống nhất cùng một độ cao
- c. Phụ thuộc vào khả năng bảo vệ của tên lửa phòng không quốc gia
- d. Độ cao vùng trời quốc gia ngoài khu vực khí quyển của Trái Đất

**17. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là quyền gì?**

- a. Tối cao, tuyệt đối và hoàn toàn riêng biệt của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của quốc gia đó
- b. Tuyệt đối và riêng biệt của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ của quốc gia đó
- c. Hoàn toàn, riêng biệt của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của quốc gia đó
- d. Tuyệt đối của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ của quốc gia đó

**18. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là**

- a. Quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của quốc gia
- b. Văn hóa, là ý chí của dân tộc
- c. Thể hiện tính nhân văn của dân tộc
- d. Truyền thống của quốc gia, dân tộc

**19. Xác định biên giới quốc gia trên đất liền bằng cách nào?**

- a. Đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc quốc giới
- b. Đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống sông suối
- c. Đánh dấu trên thực địa bằng làng bản nơi biên giới
- d. Đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống tọa độ

- 20. Theo Công ước Liên hợp quốc về Luật biển, phía ngoài vùng lãnh hải còn có những vùng biển nào?**
- Vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa
  - Vùng nội thủy, vùng kinh tế, vùng đặc quyền và thềm lục địa
  - Khu vực biên giới, vùng đặc khu kinh tế và thềm lục địa
  - Vùng biên giới trên biển, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa
- 21. Nội dung nào sau đây về các vùng biển không đúng với quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển?**
- Vùng đặc quyền kinh tế cách vùng lãnh hải 200 hải lí
  - Vùng thềm lục địa cách phía ngoài đường cơ sở 200 hải lí
  - Vùng đặc quyền kinh tế cách phía ngoài đường cơ sở 200 hải lí
  - Ranh giới ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải cách đường cơ sở 24 hải lí
- 22. Nội dung nào sau đây về các vùng biển không đúng với quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển?**
- Tính từ vùng lãnh hải ra biển 200 hải lí lãnh hải là vùng thềm lục địa
  - Từ đường cơ sở ra ngoài 12 hải lí là vùng lãnh hải
  - Từ mép ngoài lãnh hải ra ngoài 12 hải lí là vùng tiếp giáp lãnh hải
  - Từ mép ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải ra biển là vùng đặc quyền kinh tế cách 200 hải lí so với đường cơ sở
- 23. Một trong những nội dung chủ quyền của quốc gia trên lãnh thổ quốc gia là:**
- Quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị, kinh tế
  - Không được tự do lựa chọn lĩnh vực kinh tế
  - Do các thế lực bên ngoài can thiệp vào nội bộ
  - Do có sự chi phối bởi các nước trong khu vực
- 24. Đường biên giới quốc gia trên đất liền của Việt Nam dài bao nhiêu km?**
- 4.510 km
  - 4.540 km
  - 4.530 km
  - 4.520 km
- 25. Việt Nam có chung đường biên giới quốc gia trên đất liền với những quốc gia nào?**
- Trung Quốc, Lào, Campuchia
  - Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Mianma
  - Trung Quốc, Malaysia, Indonesia
  - Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia
- 26. Biển Đông tiếp giáp với vùng biển của những quốc gia nào?**
- Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Brunei, Philipin
  - Singapo, Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Philipin
  - Úc, Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Indonesia
  - Mianma, Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Indonesia, Philipin, Đài loan
- 27. Biển Đông được bao bọc bởi những quốc gia và vùng lãnh thổ nào?**
- Việt Nam, Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Singapo, Malaysia, Indonesia, Brunei, Philipin, Đài Loan
  - Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Philipin
  - Úc, Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Indonesia, Đài Loan
  - Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Indonesia, Philipin
- 28. Một trong những nội dung về khái niệm biên giới quốc gia là gì?**
- Là giới hạn lãnh thổ của một quốc gia
  - Là đường lãnh thổ của một quốc gia
  - Là giới hạn ngoài của mặt đất quốc gia
  - Là mặt phẳng giới hạn không gian của một quốc gia
- 29. Một trong những nội dung về chủ quyền biên giới quốc gia là gì?**

- a. Là chủ quyền hoàn toàn và tuyệt đối của quốc gia đối với lãnh thổ
  - b. Là chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ của quốc gia đối với lãnh thổ
  - c. Chủ quyền toàn diện của quốc gia đối với lãnh thổ
  - d. Thuộc chủ quyền toàn diện của quốc gia đối với lãnh thổ
30. **Tên gọi nào sau đây không chuẩn về tên gọi các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia?**
- a. Đường biên giới trên bộ
  - b. Biên giới trên không
  - c. Biên giới trên biển
  - d. Biên giới quốc gia trên đất liền
31. **Xác định biên giới quốc gia trên đất liền theo cách nào?**
- a. Theo các điểm, đường, vật chuẩn
  - b. Theo các bản làng vùng biên
  - c. Theo độ cao, thấp của mặt đất trong khu vực
  - d. Theo ranh giới khu vực biên giới
32. **Phương pháp cố định đường biên giới quốc gia không có nội dung nào sau đây?**
- a. Cử lực lượng canh gác giữ quốc giới
  - b. Dùng đường phát quang
  - c. Đặt mốc quốc giới
  - d. Dùng tài liệu ghi lại đường biên giới
33. **Một trong các phương pháp cố định đường biên giới quốc gia là gì?**
- a. Đặt mốc quốc giới
  - b. Xây dựng làng biên giới
  - c. Xây tường mốc biên giới
  - d. Xây dựng ranh giới quốc giới
34. **Với quốc gia ven biển, đường ranh giới ngoài vùng lãnh hải của đất liền, của đảo và quần đảo gọi là gì?**
- a. Là đường biên giới quốc gia trên biển
  - b. Là thềm lục địa quốc gia trên biển
  - c. Là mốc biên giới quốc gia trên biển
  - d. Là khu vực biên giới quốc gia trên biển
35. **Các quốc gia khác có quyền gì ở vùng nội thủy của quốc gia ven biển?**
- a. Chỉ được vào vùng nội thủy khi được phép của quốc gia ven biển
  - b. Không được quốc gia ven biển cho phép với bất kì lí do nào
  - c. Tự do vào vùng nội thủy dù không có sự đồng ý của quốc gia ven biển
  - d. Đi qua không gây hại như vùng lãnh hải
36. **Các quốc gia khác có quyền gì ở vùng lãnh hải của quốc gia ven biển?**
- a. Tự do hàng hải
  - b. Đi qua không gây hại
  - c. Không được phép đi qua
  - d. Được phép, nhưng hạn chế việc đi qua
37. **Một trong những quan điểm của Đảng và nhà nước ta về bảo vệ biên giới quốc gia là gì?**
- a. Phải dựa vào dân, trực tiếp là đồng bào các dân tộc ở biên giới
  - b. Tăng cường hơn nữa sức mạnh quốc phòng khu vực biên giới
  - c. Tăng cường lực lượng quân đội
  - d. Xây dựng nhiều công trình quốc phòng nơi biên giới
38. **Chế độ pháp lí của vùng nội thủy theo Công ước quốc tế về luật biển như thế nào?**
- a. Thuộc chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ của quốc gia
  - b. Thuộc quyền chủ quyền của quốc gia ven biển
  - c. Thuộc quyền xét xử đầy đủ của quốc gia ven biển
  - d. Thuộc quyền chủ quyền hoàn toàn của quốc gia ven biển

- 39. Một trong những nội dung về vị trí, ý nghĩa xây dựng, quản lý khu vực biên giới quốc gia là gì?**
- Ngăn ngừa hoạt động xâm nhập, phá hoại từ bên ngoài
  - Luôn tăng cường sức mạnh về quốc phòng
  - Để phát triển nền ngoại giao của đất nước
  - Nhằm tăng cường sức mạnh trong quan hệ đối ngoại
- 40. Chế độ pháp lý của vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa khác với chế độ pháp lý của vùng lãnh hải như thế nào?**
- Hai vùng này thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia
  - Vùng này vẫn thuộc chủ quyền đầy đủ của quốc gia
  - Quốc gia có chủ quyền tuyệt đối với hai vùng
  - Quốc gia có chủ quyền với hai vùng như vùng Lãnh hải
- 41. Xác định biên giới quốc gia trên đất liền giữa các nước có chung đường biên giới như thế nào?**
- Được hoạch định phân giới cắm mốc thông qua đàm phán thương lượng
  - Được hoạch định phân giới cắm mốc theo ý đồ của nước lớn
  - Phân giới cắm mốc thông qua hành động quân sự
  - Được hoạch định phân giới cắm mốc thông qua tranh chấp
- 42. Xây dựng khu vực biên giới quốc gia vững mạnh toàn diện gồm nội dung gì?**
- Vững mạnh về chính trị, kinh tế - xã hội và quốc phòng – an ninh
  - Vững mạnh về văn hóa, khoa học kỹ thuật, du lịch và dịch vụ
  - Mạnh về tư tưởng - văn hóa, trồng cây gây rừng, phát triển kinh tế
  - Mạnh về quân sự - an ninh, văn hóa, du lịch
- 43. Vận động quần chúng tham gia quản lý, bảo vệ biên giới có nội dung gì?**
- Giáo dục về ý thức độc lập dân tộc, tinh thần yêu nước cho nhân dân
  - Tăng cường lực lượng vũ trang nhân dân cho khu vực biên giới
  - Thường xuyên nắm chắc tình hình biên giới
  - Tăng cường vũ trang cho quần chúng nhân dân
- 44. Nội dung nào sau đây không đúng với những quan điểm của Đảng nhà nước ta về bảo vệ biên giới quốc gia?**
- Phải tăng cường sức mạnh quân sự, sẵn sàng bảo vệ biên giới
  - Biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm
  - Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ của nhà nước và là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân
  - Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, giải quyết các vấn đề về biên giới quốc gia bằng biện pháp hòa bình
- 45. Nước ta dùng phương pháp nào là chủ yếu để cố định đường biên giới quốc gia?**
- Đặt mốc quốc giới và dùng tài liệu ghi lại đường biên giới
  - Phát quang đường biên giới và dùng tài liệu ghi lại đường biên giới
  - Đặt mốc quốc giới và phát quang đường biên giới
  - Đánh dấu bằng các tọa độ và phát quang đường biên giới
- 46. Một trong những nội dung chủ quyền của quốc gia trên lãnh thổ quốc gia là:**
- Tự quy định chế độ pháp lý đối với từng vùng lãnh thổ quốc gia
  - Chế độ pháp lý đối với từng vùng lãnh thổ phụ thuộc vào bên ngoài
  - Chế độ pháp lý đối với từng vùng lãnh thổ phụ thuộc vào quốc tế
  - Chế độ pháp lý đối với từng vùng lãnh thổ không được xác định
- 47. Quốc gia có quyền áp dụng trên lãnh thổ của mình**
- Các biện pháp cưỡng chế thích hợp, tịch thu tài sản với hoạt động bất hợp pháp
  - Các biện pháp cưỡng chế thích hợp, tịch thu tài sản với mọi hoạt động
  - Biện pháp tịch thu tài sản của nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ
  - Cưỡng chế thích hợp, tịch thu tài sản

**48. Nội dung, biện pháp xây dựng và quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia không bao gồm nội dung nào sau đây?**

- a. Tăng cường hoạt động ngoại giao khu vực biên giới
- b. Xây dựng khu vực biên giới quốc gia vững mạnh toàn diện
- c. Vận động quần chúng nhân dân ở biên giới tham gia tự quản đường biên
- d. Xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh

**49. Trên sông mà tàu thuyền đi lại được thì cách xác định biên giới quốc gia như thế nào?**

- a. Giữa lạch của sông hoặc lạch chính của sông
- b. Không xác định biên giới dọc theo sông
- c. Bờ sông bên nào là biên giới quốc gia bên đó
- d. Giữa lạch ở khu vực cửa sông

**50. Trên sông, suối mà tàu thuyền không đi lại được thì xác định biên giới quốc gia ở đâu, nếu sông suối đổi dòng xác định như thế nào?**

- a. Giữa sông, suối; nếu đổi dòng biên giới vẫn giữ nguyên
- b. Bờ sông, suối của mỗi bên; thay đổi theo dòng chảy
- c. Giữa sông, suối; nếu đổi dòng biên giới thay đổi theo
- d. Không xác định được biên giới

**51. Trên mặt cầu bắc qua sông suối có biên giới quốc gia, việc xác định biên giới như thế nào?**

- a. Biên giới chính giữa cầu, không kể đến biên giới dưới sông, suối
- b. Đầu cầu bên nào là biên giới quốc gia bên đó
- c. Biên giới dưới sông, suối ở đâu thì biên giới trên cầu ở đó
- d. Biên giới trên cầu là chính giữa dưới sông, suối

**52. Xác định biên giới quốc gia trên biển bằng cách nào và ở đâu?**

- a. Hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài của lãnh hải
- b. Hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ, là ranh giới phía trong của lãnh hải
- c. Hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài của vùng tiếp giáp lãnh hải
- d. Hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài của vùng nội thủy

**53. Vùng lãnh thổ đặc biệt của quốc gia không gồm nội dung nào sau đây?**

- a. Tàu thuyền đánh cá của ngư dân trên vùng biển quốc tế
- b. Các tàu, thuyền treo quốc kì đi trên vùng biển quốc tế
- c. Đại sứ quán của quốc gia đặt trên lãnh thổ quốc gia khác
- d. Các công trình, cáp ngầm nằm ngoài phạm vi lãnh thổ quốc gia

**54. Mỗi quan hệ giữa quốc gia và lãnh thổ như thế nào?**

- a. Quốc gia được hình thành, tồn tại, phát triển trong phạm vi lãnh thổ
- b. Lãnh thổ quốc gia được hình thành, xác lập từ quốc gia
- c. Lãnh thổ được hình thành, tồn tại trong phạm vi quốc gia
- d. Quốc gia hình thành, tồn tại và phát triển cùng với lãnh thổ

**55. Lựu đạn là loại vũ khí gì**

- a. Dùng để đánh gần, trang bị cho từng người trong chiến đấu
- b. Có hỏa lực rất mạnh, hủy diệt sinh lực đối phương
- c. Có khả năng phá hủy tất cả các loại vũ khí khác
- d. Là phương tiện dùng để gây sát thương

**56. Lựu đạn là loại vũ khí được chế tạo như thế nào?**

- a. Cấu tạo đơn giản, gọn nhẹ, sử dụng thuận tiện
- b. Có nhiều bộ phận, sử dụng phức tạp
- c. Cấu tạo phức tạp nhưng sử dụng dễ dàng

- d. Có nhiều tác dụng, sử dụng với nhiều mục đích
57. **Lựu đạn là loại vũ khí khi sử dụng có khả năng gì?**
- Sát thương sinh lực đối phương
  - Tiêu diệt các phương tiện ở sâu dưới nước
  - Dùng để tiêu diệt các phương tiện trên không
  - Hủy diệt lớn sinh lực đối phương
58. **Lựu đạn  $\Phi 1$  Việt Nam, khi sử dụng chủ yếu sát thương sinh lực địch bằng gì?**
- Mảnh gang vụn
  - Hơi thuốc nổ
  - Các viên bi nhỏ
  - Mảnh sắt vụn
59. **Bán kính sát thương của lựu đạn  $\Phi 1$  là bao nhiêu m?**
- 5m
  - 4m
  - 6m
  - 7m
60. **Khối lượng toàn bộ của lựu đạn  $\Phi 1$  Việt Nam là bao nhiêu gam?**
- 450 gam
  - 440 gam
  - 460 gam
  - 470 gam
61. **Cấu tạo lựu đạn  $\Phi 1$  Việt Nam gồm những bộ phận nào?**
- Thân lựu đạn và bộ phận gây nổ lắp vào thân
  - Thân lựu đạn, bộ phận gây nổ lắp vào thân và hạt nổ
  - Thân lựu đạn, cán lựu đạn và bộ phận gây nổ lắp vào thân
  - Thân, bộ phận gây nổ lắp vào thân và đuôi lựu đạn
62. **Vỏ lựu đạn  $\Phi 1$  Việt Nam làm bằng chất liệu gì?**
- Gang
  - Sắt
  - Thép
  - Nhựa tổng hợp
63. **Bên trong vỏ lựu đạn  $\Phi 1$  Việt Nam chứa gì?**
- Thuốc nổ TNT
  - Nhiều viên bi
  - Thuốc cháy
  - Thuốc gây nổ
64. **Lúc bình thường, mỏ vệt của lựu đạn  $\Phi 1$  như thế nào?**
- Chốt an toàn giữ không cho mỏ vệt bật lên
  - Không có chốt an toàn, mỏ vệt bật lên
  - Bật lên nhưng được tay người ném giữ lại
  - Mỏ vệt ở vị trí không an toàn
65. **Khi sử dụng, nếu rút chốt an toàn thì mỏ vệt của lựu đạn  $\Phi 1$  như thế nào?**
- Không có chốt giữ, mỏ vệt bật lên
  - Muốn mỏ vệt bật lên, phải tiếp tục rút chốt an toàn phụ
  - Mỏ vệt vẫn ở trạng thái an toàn
  - Không thay đổi, giữ nguyên như cũ
66. **Lựu đạn cần 97 Việt Nam, thời gian thuốc cháy chậm cháy bao nhiêu giây?**
- Từ 3,2 - 4,2s
  - Từ 2,9 - 3,9s
  - Từ 3,0 - 4,0s
  - Từ 3,1 - 4,1s

67. **Lựu đạn cần 97 Việt Nam có đường kính thân là bao nhiêu mm?**  
a. 50mm  
b. 40mm  
c. 60mm  
d. 70mm
68. **Lựu đạn cần 97 Việt Nam có khối lượng toàn bộ là bao nhiêu gam?**  
a. 450 gam  
b. 440 gam  
c. 460 gam  
d. 470 gam
69. **Thời gian cháy chậm từ khi phát lửa đến khi lựu đạn nổ của lựu đạn cần 97 Việt Nam là bao nhiêu giây?**  
a. Khoảng 3,2 - 4,2s  
b. Khoảng 3,0- 4,0s  
c. Khoảng 3,1 - 4,1s  
d. Khoảng 3,3 - 4,3s
70. **Lựu đạn cần 97 Việt Nam dùng để sát thương sinh lực địch chủ yếu bằng gì?**  
a. Mảnh gang vụn  
b. Mảnh sắt vụn  
c. Mảnh thép vụn  
d. Mảnh vụn thuốc nổ
71. **Quy tắc sử dụng lựu đạn thật có một nội dung nào sau đây?**  
a. Nắm vững tính năng chiến đấu, cấu tạo và thành thạo động tác sử dụng lựu đạn  
b. Biết cách ném trong kiểm tra ném lựu đạn trúng đích  
c. Biết cách rút chốt an toàn làm cho lựu đạn nổ  
d. Nắm chắc cách đánh giá thành tích trong ném lựu đạn trúng đích
72. **Chỉ sử dụng lựu đạn thật trong trường hợp nào?**  
a. Khi có lệnh của người chỉ huy  
b. Khi luyện tập chiến thuật  
c. Khi người sử dụng thấy cần thiết  
d. Khi học tập về nội dung lựu đạn
73. **Quy định sử dụng lựu đạn thật như thế nào?**  
a. Cấm sử dụng trong luyện tập  
b. Trong luyện tập phải cẩn thận khi sử dụng  
c. Được sử dụng ở khu vực đông người, nhưng phải tháo kíp nổ  
d. Được sử dụng trong luyện tập, nhưng phải có định chốt an toàn
74. **Tư thế, động tác ném lựu đạn gồm những động tác nào?**  
a. Động tác chuẩn bị và động tác ném  
b. Động tác chuẩn bị, động tác rút chốt an toàn và động tác ném  
c. Động tác rút chốt an toàn và động tác ném  
d. Động tác khởi động, động tác chuẩn bị và động tác ném
75. **Khi ném lựu đạn, người ném buông lựu đạn ra khỏi tay khi nào là đúng thời cơ nhất?**  
a. Cánh tay phải hợp với mặt phẳng ngang  $45^{\circ}$   
b. Cánh tay vung lên ở góc độ cao nhất  
c. Thân người hợp với mặt phẳng ngang  $45^{\circ}$   
d. Cánh tay phải hợp với mặt phẳng ngang  $90^{\circ}$
76. **Đặc điểm về mục tiêu của ném lựu đạn trúng đích là gì?**  
a. Có vòng tính điểm  
b. Có vòng không tính điểm  
c. Tính điểm nhưng không có vòng  
d. Như mục tiêu bài bắn súng tiểu liên AK

77. **Đặc điểm về tư thế của ném lựu đạn trúng đích là gì?**
- Tư thế ném thoải mái
  - Rất gò bó do địa hình, địa vật
  - Gặp khó khăn do vừa ném vừa cầm súng
  - Tương đối thoải mái vì không cần đúng hướng
78. **Sức ném và hướng ném trong ném lựu đạn trúng đích phải như thế nào?**
- Phải kết hợp để lựu đạn đi đúng hướng, đúng cự li
  - Sử dụng tối đa sức ném để lựu đạn đi đúng hướng, đúng cự li
  - Phải ngắm chuẩn về hướng ném để lựu đạn đi đúng hướng
  - Dùng sức ném thật mạnh để lựu đạn đi đúng cự li
79. **Bài kiểm tra ném lựu đạn trúng đích có cự li bao nhiêu m?**
- Nam 25m, nữ 20m
  - Nam 30m, nữ 25m
  - Nam 35m, nữ 30m
  - Nam 40m, nữ 35m
80. **Ném lựu đạn trúng đích có mấy vòng tròn đích, bán kính mỗi vòng bao nhiêu m?**
- Ba vòng trên bán kính 1m, 2m, 3m
  - Ba vòng trên bán kính 2m, 3m, 4m
  - Ba vòng trên bán kính 3m, 4m, 5m
  - Ba vòng trên bán kính 4m, 5m, 6m
81. **Đánh giá thành tích loại Giỏi trong ném lựu đạn trúng đích như thế nào?**
- Trúng vòng tròn 1
  - Trúng mục tiêu trong vòng tròn 1
  - Trúng tâm vòng tròn 1
  - Trúng mép ngoài vòng tròn 2
82. **Đánh giá thành tích loại Khá trong ném lựu đạn trúng đích như thế nào?**
- Trúng vòng tròn 2
  - Trúng mục tiêu trong vòng tròn 1
  - Trúng tâm vòng tròn 2
  - Trúng mép ngoài vòng tròn 3
83. **Đánh giá thành tích loại Trung bình trong ném lựu đạn trúng đích như thế nào?**
- Trúng vòng tròn 3
  - Trúng mục tiêu trong vòng tròn 2
  - Trúng vòng tròn 2
  - Trong mép trong vòng tròn 2
84. **Đánh giá thành tích trong ném lựu đạn trúng đích, lấy điểm rơi của lựu đạn như thế nào?**
- Chạm vạch của vòng tròn sẽ tính điểm cho vòng có điểm cao hơn
  - Trúng vạch của vòng tròn nào sẽ tính điểm vòng tròn ngoài
  - Chạm vạch của vòng tròn sẽ tính điểm cho vòng có điểm thấp hơn
  - Chạm vạch vòng tròn sẽ không tính điểm
85. **Không dùng tư thế, động tác đứng ném lựu đạn trong trường hợp nào?**
- Phía trước không bị che khuất, mục tiêu ở khoảng cách gần
  - Có vật cản che đỡ, cao ngang tầm ngực
  - Phía sau không bị vướng khi ném
  - Mục tiêu ở khoảng cách xa nơi ném
86. **Người ném lựu đạn thật phải căn cứ vào đâu để xác định tư thế, động tác ném phù hợp?**
- Tùy theo điều kiện địa hình, địa vật, tình hình địch
  - Điều kiện tính hình ta và địa vật
  - Căn cứ tình hình ta và địch
  - Tùy theo điều kiện thời tiết, khí hậu

- 87. Khi ném lựu đạn xong, người ném phải làm gì?**
- Quan sát kết quả ném và tình hình địch để xử lý kịp thời
  - Quan sát ngay tình hình địch xung quanh
  - Nằm úp xuống để tránh mảnh lựu đạn
  - Di chuyển ngay vị trí để bảo đảm an toàn
- 88. Trong quy tắc giữ gìn và sử dụng, lựu đạn được cất giữ ở đâu?**
- Nơi quy định, khô ráo, thoáng gió
  - Nơi quy định, kín đáo, ngâm sâu dưới đất
  - Không quy định cụ thể, nhưng phải bí mật
  - Không quy định, nhưng thường để nơi có độ ẩm phù hợp
- 89. Nếu trong kho có nhiều vũ khí, vật chất khác thì lựu đạn được cất giữ như thế nào?**
- Không để lẫn với các loại đạn, thuốc nổ, vật dễ cháy
  - Có thể để cùng với thuốc nổ, nhưng không gần vật dễ cháy
  - Khi để lẫn với thuốc nổ phải kê đệm chắc chắn
  - Khi để lẫn với vật dễ cháy phải chuẩn tốt dụng cụ cứu hỏa
- 90. Trong quá trình vận chuyển, giữ gìn lựu đạn cần lưu ý gì?**
- Không để rơi, không va chạm mạnh
  - Phải kiểm tra chốt an toàn lựu đạn xong mới được vận chuyển
  - Phải kiểm tra cẩn thận khi vận chuyển cùng thuốc nổ
  - Động tác nhẹ nhàng khi tung, ném trong vận chuyển
- 91. Trong quy tắc giữ gìn và sử dụng lựu đạn, cần lưu ý gì với chốt an toàn?**
- Khi chưa dùng không được rút chốt an toàn
  - Phải cẩn thận khi rút chốt an toàn để kiểm tra
  - Nếu rút chốt an toàn phải thay chốt an toàn khác
  - Nếu rút chốt an toàn phải hủy lựu đạn ngay
- 92. Tại sao lựu đạn vỏ làm bằng gang?**
- Gang giòn, khi lựu đạn nổ phá vụn thành nhiều mảnh sắc
  - Gang nhẹ hơn sắt nên khi ném được xa hơn
  - Gang có giá thành rẻ hơn sắt, thép
  - Gang có độ bền và không bị han rỉ như sắt, thép